

Số: 108 /KH-UBND

Hung Yên, ngày 02 tháng 6 năm 2022

## KẾ HOẠCH

**Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ XIX về Chương trình thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030**

Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Tỉnh ủy Hưng Yên về Chương trình thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Phổ biến, quán triệt đầy đủ nội dung của Nghị quyết, nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy về cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đến toàn thể đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh để tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Tỉnh ủy Hưng Yên về Chương trình thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết).

- Cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện Nghị quyết; xác định những nội dung trọng tâm, trọng điểm bằng các kế hoạch, đề án, dự án cụ thể; phân công nhiệm vụ cho các sở, ngành, địa phương để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu của Nghị quyết.

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị để tập trung chỉ đạo, điều hành; xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

### II. NHIỆM VỤ

#### 1. Nhiệm vụ chung

1.1. Đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại ngành, xây dựng nền nông nghiệp Hưng Yên “Hiệu quả cao, phát triển nhanh, an toàn và bền vững”. Tập trung khai thác và phát huy tốt lợi thế của tỉnh; xây dựng và phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao. Duy trì tốc độ tăng trưởng, nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh thông qua tăng chất lượng và giá trị sản phẩm nông nghiệp; phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp tập trung, hiện đại, nông nghiệp sạch (đạt các tiêu chuẩn VietGAP, VietGAHP, nông nghiệp

4.0, công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ); nâng cao năng lực quản lý rủi ro, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và bảo vệ môi trường.

- Đến năm 2025: GTSX nông nghiệp, thủy sản giai đoạn 2021-2025 tăng bình quân từ 2,0% - 2,5%/năm; Cơ cấu giá trị sản xuất nội bộ ngành: Trồng trọt 40% - Chăn nuôi 57% - Dịch vụ nông nghiệp 3% (cơ cấu theo nhóm cây trồng, vật nuôi: Lương thực 14% - Rau quả, cây công nghiệp 26% - Chăn nuôi, thủy sản 60%); Giá trị bình quân thu được trên 1ha canh tác đạt trên 250 triệu đồng; Đảm bảo cung cấp đủ nước tưới cho 100% diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn; 100% hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; tỷ lệ các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản xếp loại A, B (đối với cơ sở thuộc cấp tỉnh, huyện quản lý) đạt 100%; cấp mới, mở rộng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) cho từ 60-70 mô hình;

- Đến năm 2030: GTSX nông nghiệp, thủy sản giai đoạn 2026-2030 tăng bình quân từ 2,0% - 2,5%/năm; Cơ cấu giá trị sản xuất nội bộ ngành: Trồng trọt 35% - Chăn nuôi 60% - Dịch vụ nông nghiệp 5%.

1.2. Xây dựng nông thôn mới “sáng, xanh, sạch đẹp”, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ và từng bước hiện đại; trình độ dân trí tiếp tục được nâng lên, xã hội nông thôn ổn định, hòa thuận, dân chủ, giàu bản sắc văn hoá. Nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, đi vào thực chất từng nội dung các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, nhằm giải quyết triệt để, căn bản các vấn đề còn tồn tại ở khu vực nông thôn, tạo đột phá mạnh mẽ trong phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực nông thôn; xây dựng thành công các mô hình nông thôn mới kiểu mẫu trên cơ sở đặc thù, lợi thế, thế mạnh của từng địa phương

- Đến năm 2025: Phần đầu có 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (trong đó, tối thiểu phải đạt 64 xã chuẩn nông thôn mới nâng cao; 44 xã chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu); có 195 khu dân cư kiểu mẫu; có 02 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; có ít nhất 03 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; Hỗ trợ thành lập mới 80 HTX, 700 THT nông nghiệp; có trên 50% HTX nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị; Thu nhập bình quân đầu người ở khu vực nông thôn đạt từ 80 triệu đồng/người/năm trở lên; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 1%; tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên đạt trên 95%; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 95%; 100% các hộ dân ở nông thôn được sử dụng nước sạch (Chi tiết các xã phần đầu đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu đến năm 2025 theo Phụ lục kèm theo)

- Đến năm 2030: có 70% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; 2-3 đơn vị cấp huyện trở lên đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; Thành lập mới 150 HTX nông nghiệp; 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; xây dựng nông nghiệp hàng hóa hiệu quả cao, an toàn và bền vững; thu nhập bình quân của người dân khu vực nông thôn đạt từ 100 triệu đồng/người/năm trở lên.

## 2. Nhiệm vụ cụ thể

- Năm 2022: Tiếp tục tổ chức quán triệt, tuyên truyền, nâng cao hơn nữa nhận thức, vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; rà soát, hoàn thiện các nội dung liên quan đến lĩnh vực ngành tích hợp vào Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2050; xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TU; xây dựng Kế hoạch triển khai Chiến lược phát triển nông nghiệp đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh; tiếp tục triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, đề án, dự án đã được duyệt; tổ chức xây dựng, trình duyệt một số cơ chế chính sách mới, như: chính sách về nông nghiệp hữu cơ; chính sách về phát triển nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ, tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp; các chính sách về đất đai,...; Phấn đấu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông nghiệp, thủy sản đạt 2,2% trở lên; thành lập mới 21 hợp tác xã; chuyển đổi cơ cấu cây trồng 940ha; phấn đấu có thêm 44 khu dân cư kiểu mẫu; 10-15 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 08-10 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Năm 2023: Sơ kết, đánh giá kết quả 03 năm thực hiện Nghị quyết; đề xuất nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết trong những năm tiếp theo; tiếp tục rà soát, đánh giá triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách đã được duyệt; chuyển đổi cơ cấu cây trồng 940ha; xây dựng được 53 khu dân cư kiểu mẫu; 23 xã nông thôn mới nâng cao; 10 xã nông thôn mới kiểu mẫu.

- Năm 2024: Tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết; rà soát, đánh giá, xây dựng mới những cơ chế, chính sách thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; Chuyển đổi cơ cấu cây trồng 950ha; xây dựng được 43 khu dân cư kiểu mẫu; 10 xã nông thôn mới nâng cao; 09 xã nông thôn mới kiểu mẫu; huyện Phù Cừ và huyện Văn Giang đạt huyện nông thôn mới nâng cao.

- Năm 2025: Tổng kết 05 năm thực hiện Nghị quyết; đánh giá toàn diện kết quả triển khai thực hiện, những mặt đạt được, hạn chế; nhiệm vụ, giải pháp trong giai đoạn mới, nhất là thực hiện có hiệu quả chính sách đầu tư quyền sử dụng đất tạo nguồn nông thôn mới (Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 30/9/2021). Chuyển đổi cơ cấu cây trồng 970ha; xây dựng được 29 khu dân cư kiểu mẫu; 09 xã nông thôn mới nâng cao; 10 xã nông thôn mới kiểu mẫu; huyện Văn Lâm đạt huyện nông thôn mới nâng cao; huyện Văn Giang, Phù Cừ đạt huyện nông thôn mới kiểu mẫu.

(Chi tiết các nhiệm vụ theo Phụ lục kèm theo)

## 3. Kinh phí thực hiện

Tổng nguồn vốn cần huy động đầu tư thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 khoảng 29.936 tỷ đồng. Trong đó:

- Vốn đầu tư cho cơ cấu lại nông nghiệp, thủy sản khoảng 5.500 tỷ đồng (trong đó: ngân sách tỉnh hỗ trợ trực tiếp sản xuất 500 tỷ đồng; ngân

sách Trung ương và ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác cho đầu tư phát triển hạ tầng thủy lợi, đê điều, thủy sản, chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp khoảng 5.000 tỷ đồng).

- Vốn đầu tư cho xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu khoảng 24.436 tỷ đồng, bao gồm:

+ Nguồn vốn ngân sách trực tiếp 16.236 tỷ đồng (trong đó, ngân sách tỉnh 2.000 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện 3.800 tỷ đồng, ngân sách cấp xã 10.436 tỷ đồng).

+ Lòng ghép các Chương trình, dự án: 2.000 tỷ đồng.

+ Nguồn vốn Doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế: 5.000 tỷ đồng

+ Nguồn vốn huy động từ người dân (*tiền mặt, ngày công lao động, hiến đất để xây dựng các công trình công*): 1.200 tỷ đồng

*Ngoài ra, người dân tự bỏ tiền đầu tư xây dựng, chỉnh trang nhà ở và các công trình phụ trợ của người dân là 20.000 tỷ đồng; các tổ chức tín dụng cho người dân vay vốn để phát triển kinh tế 30.000 tỷ đồng.*

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương tổ chức triển khai Kế hoạch này; thực hiện rà soát, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và nội dung của Kế hoạch đã đề ra; đề xuất các mục tiêu, nhiệm vụ và các nội dung liên quan để triển khai thực hiện Nghị quyết qua các năm; triển khai thực hiện, đề xuất các đề án, dự án, kế hoạch thuộc phạm vi quản lý của ngành nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện theo kế hoạch.

- Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch do đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách sản xuất làm trưởng Đoàn; định kỳ 02 lần/năm, nhằm đảm bảo mục tiêu, tiến độ, chất lượng Kế hoạch đề ra,...

- Phối hợp với Cục Thống kê và các địa phương tổ chức rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu theo Kế hoạch và Bộ tiêu chí giám sát, đánh giá về cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

- Tham mưu UBND tỉnh định kỳ sơ kết, tổng kết thực hiện Kế hoạch; nghiên cứu, đề xuất cơ chế khen thưởng cho các đơn vị, địa phương hoàn thành xuất sắc Kế hoạch; định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch, báo cáo Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương.

#### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và các địa phương tham mưu xây dựng, trình phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cho các huyện, thị xã, thành phố đảm bảo phù hợp với quyết định phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 của Thủ tướng

Chính phủ, trong đó quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp và hạ tầng nông nghiệp, nông thôn gắn với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ổn định lâu dài và đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn tỉnh, góp phần thực hiện mục tiêu đảm bảo an ninh lương thực quốc gia.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và địa phương triển khai hiệu quả Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ và Nghị quyết số 214/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND tỉnh về một số cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chủ động rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách thu hút các nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác trên địa bàn tỉnh.

- Tổng hợp, cân đối và tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí vốn đầu tư hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn.

### **3. Sở Tài chính**

- Căn cứ vào chế độ, chính sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, tổng hợp dự toán trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các chương trình, Đề án, Kế hoạch, cơ chế chính sách phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo quy định về phân cấp ngân sách của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán nguồn kinh phí theo quy định hiện hành.

### **4. Sở Công Thương**

- Chủ trì xây dựng cơ chế, chính sách ưu tiên thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ, cụm công nghiệp, dịch vụ hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh nông nghiệp nhất là công nghiệp chế biến nông sản, gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn.

- Tham mưu xây dựng Phương án phát triển hạ tầng thương mại gồm Trung tâm logistics, trung tâm thương mại, siêu thị, chợ... gắn với vùng sản xuất, kinh doanh nông nghiệp tích hợp Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Nghiên cứu, triển khai các chính sách thương mại, các hàng rào kỹ thuật và điều hành hoạt động xuất, nhập khẩu nông sản linh hoạt, hiệu quả tạo thuận lợi thúc đẩy xuất khẩu nông sản và bảo vệ sản xuất nông nghiệp trong tỉnh; xây dựng và triển khai hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển, kết nối thị trường tiêu thụ nông sản; hỗ trợ tổ chức, cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp tham gia chuỗi cung ứng thương mại điện tử.

- Triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch 148/KH-UBND ngày 27/9/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX về Chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

## **5. Sở Khoa học và Công nghệ**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và địa phương tham mưu đề xuất: cơ chế, chính sách về phát triển nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ, tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp, đặc biệt là công nghệ cao; cơ chế thúc đẩy xã hội hóa nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; chính sách khuyến khích các cơ sở sản xuất, chế biến nông lâm thủy sản đầu tư áp dụng hoặc chuyển đổi công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch thân thiện với môi trường; chú trọng xây dựng, triển khai các đề tài, nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tính lĩnh vực sản xuất, chế biến, bảo quản nông sản và cơ giới hóa trong nông nghiệp.

- Tiếp tục xây dựng, quản lý và phát triển các nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý; đồng thời từng bước đăng ký bảo hộ quốc tế đối với nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý cho các nông sản chủ lực, đặc sản của tỉnh gắn với việc tiếp tục thực hiện tốt Đề án mỗi xã một sản phẩm (OCOP),...

## **6. Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan và các địa phương quản lý chặt chẽ việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp (đặc biệt là đất lúa); đề xuất các chính sách liên quan đến đất đai, sử dụng hiệu quả tài nguyên theo hướng khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, an toàn; thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

- Triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 24/01/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh khóa XIX về Chương trình Bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

## **7. Các sở, ngành khác**

Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo thẩm quyền được giao; phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT trong tổ chức thực hiện kế hoạch; hàng năm xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu thuộc lĩnh vực được giao phụ trách; chủ động tham mưu UBND tỉnh những vấn đề liên quan thuộc lĩnh vực quản lý của ngành mình, giải quyết các vướng mắc để thực hiện Kế hoạch có hiệu quả; thường xuyên kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả những nội dung thuộc sở, ngành quản lý và theo dõi, định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương theo quy định.

## **8. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Hưng Yên**

Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Chỉ đạo các tổ chức tín dụng cân đối nguồn vốn đáp ứng kịp nhu cầu vốn phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; rà soát, đơn giản hóa thủ tục vay vốn, đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng; tiếp tục triển khai có hiệu quả chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc

trong tiếp cận nguồn vốn tín dụng, đặc biệt là các doanh nghiệp đầu tư vào dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, phát triển cơ giới hóa nông nghiệp, công nghiệp chế biến nông sản, doanh nghiệp đầu mối liên kết trong sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị.

### **9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội**

Tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh trong thực hiện công tác tuyên truyền, vận động, giám sát, phản biện xã hội và phát huy vai trò của mọi tầng lớp nhân dân trong thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

### **10. Cục Thống kê tỉnh**

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương tổ chức rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu theo Kế hoạch và Bộ tiêu chí giám sát, đánh giá về cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

### **11. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

- Xây dựng kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới của địa phương phù hợp với thực tiễn.

- Triển khai rà soát, điều chỉnh quy hoạch, cơ cấu sản xuất theo hướng ưu tiên phát triển các sản phẩm chủ lực và các sản phẩm đặc sản của địa phương gắn với công nghiệp chế biến nông sản và thị trường tiêu thụ, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Triển khai các giải pháp tăng cường liên kết vùng, hướng tới phát triển các cụm liên kết sản xuất - bảo quản, chế biến - tiêu thụ nông sản gắn với các vùng nguyên liệu tập trung được cơ giới hóa đồng bộ, kết nối với cơ sở chế biến nông sản và hệ thống logistic, kênh phân phối, tiêu thụ nông sản.

- Tổ chức triển khai hiệu quả các chính sách của Trung ương, của tỉnh đã ban hành, đồng thời nghiên cứu, đề xuất, ban hành cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương để đẩy mạnh thực hiện và nâng cao hiệu quả cơ cấu lại nông nghiệp. Bố trí ngân sách địa phương, huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế đầu tư vào phát triển nông nghiệp, nông thôn.

### **12. Liên minh Hợp tác xã; các tổ chức hội, hiệp hội doanh nghiệp**

Phối hợp với các sở, ngành, địa phương triển khai hiệu quả các nội dung của Kế hoạch; tham gia đề xuất các cơ chế chính sách và giải pháp khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

**13. Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch 181/KH-UBND ngày 29/11/2021 của UBND tỉnh về Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025. Đến 30/6/2025 phải hoàn thành các chỉ tiêu về xây dựng nông thôn mới theo kế hoạch được giao.**

Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch này. Định kỳ hàng năm tổng hợp, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 20/12 để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực: Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PT&TH Hưng Yên, Báo Hưng Yên;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Quốc Văn**



**Phụ lục**  
**Chương trình, đề án, kế hoạch thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp**  
**gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 108 /KH-UBND ngày 06 tháng 6 /2022 của UBND tỉnh Hưng Yên)*

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
<b>I CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT</b>				
1	Tuyên truyền phổ biến, quán triệt Nghị quyết và Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Tỉnh ủy đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025
2	Tuyên truyền về sản xuất nông sản an toàn, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố, Ban An toàn thực phẩm tỉnh	2021-2025
3	Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đất đai: quy định về tập trung, tích tụ đất đai cho sản xuất nông nghiệp; Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025
4	Đào tạo nguồn nhân lực ngành nông nghiệp đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nông thôn	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025
5	Đánh giá sơ kết thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Tỉnh ủy và Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023
6	Đánh giá tổng kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Tỉnh ủy và Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2025
<b>II CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN</b>				
1	Xây dựng Kế hoạch đảm bảo quỹ đất phát triển sản xuất nông nghiệp, trong đó có đất trồng lúa	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025
2	Rà soát, cập nhật quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp và hạ tầng nông nghiệp, nông thôn vào Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch xây dựng có liên quan	Sở Xây dựng	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025
3	Rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính tạo thuận lợi thu hút đầu tư của doanh nghiệp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025

4	Rà soát, bổ sung chính sách tín dụng phù hợp với thực tiễn, tạo điều kiện tiếp cận vốn cho các thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Hung Yên	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025
5	Rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021
6	Đề án “Phát triển vùng sản xuất cây ăn quả, hoa, cây cảnh hàng hóa tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020 – 2025”	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2020-2025
7	Đề án Phát triển thủy sản tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2020-2025
8	Đề án phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế vùng bãi sông Hồng, sông Luộc tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025
9	Đề án mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025
10	Đề án “duy trì và phát triển hệ thống thông tin điện tử HY.check.net.vn truy xuất nguồn gốc các sản phẩm nông lâm sản và thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025”	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2020-2025
11	Đề án Bảo tồn và phát triển vùng trũng thấp, vùng đặc sản tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025, định hướng 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2020-2025
12	Đề án phát triển chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi VietGap đảm bảo an toàn dịch bệnh, ATTP và bảo vệ môi trường giai đoạn 2020-2025, định hướng 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2020-2025
13	Đề án khuyến khích, ưu tiên các tổ chức, cá nhân đầu tư vào xây dựng, bảo vệ công trình đê điều, kết hợp kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	
14	Đề án nâng cao hiệu quả hệ thống công trình thủy lợi và cấp nước sạch tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025
15	Đề án Hỗ trợ xác lập và phát triển vùng sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2020-2025
16	Đề án phát triển làng nghề hoa, cây cảnh gắn với du lịch nông nghiệp tỉnh Hưng Yên đến năm 2025, tầm nhìn 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2025

17	Dự án đẩy mạnh phát triển cơ giới hóa nông nghiệp tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025
18	Dự án “Xử lý chất thải chăn nuôi và sản xuất phân bón hữu cơ chất lượng cao phục vụ sản xuất nông nghiệp sạch tại tỉnh Hưng Yên” giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025
19	Dự án tăng cường khảo nghiệm để phát triển nhanh những giống cây trồng mới phục vụ chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025
20	Dự án tiếp tục xây dựng và khuyến khích phát triển mô hình chuỗi sản xuất, tiêu thụ nông sản đảm bảo an toàn thực phẩm giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025
21	Dự án “Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành nông nghiệp và PTNT tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025”.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, TP	2025-2025
22	Dự án Điều tra đánh giá thực trạng sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm nông sản chủ lực làm cơ sở xây dựng Allast nông nghiệp điện tử (WebGIS) phục vụ quản lý và định hướng vùng nông sản hàng hóa tập trung chuyên canh gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2030
23	Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025
<b>III PHÁT TRIỂN CƠ GIỚI HÓA NÔNG NGHIỆP, CHẾ BIẾN NÔNG SẢN, KINH TẾ NÔNG THÔN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG</b>				
1	Đề án xây dựng mô hình điểm phát triển nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ gắn với du lịch và nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2022-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025
2	Dự án hỗ trợ nâng cao khả năng nhân diện sản phẩm, kết nối kênh tiêu thụ nông sản đặc sản, chủ lực, sản phẩm OCOP, sản phẩm làng nghề tỉnh Hưng Yên với cộng đồng các nhà bán lẻ giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025
3	Kế hoạch thực hiện Chương trình Ocop tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025
4	Kế hoạch phát triển làng nghề tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025
5	Rà soát cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển các cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề.	Sở Công Thương	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, TP	2021-2025

6	Triển khai thực hiện Đề án nâng cao năng lực cạnh tranh các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Sở Công Thương	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
7	Tuyên truyền về công tác Hội nhập kinh tế quốc tế, các biện pháp phòng vệ thương mại phù hợp với các cam kết quốc tế nhằm tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trên thị trường	Sở Công Thương	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
8	Triển khai Đề án phát triển thương hiệu các sản phẩm chủ lực tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Công thương	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
<b>IV PHÁT TRIỂN CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC SẢN XUẤT VÀ ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC</b>				
1	Kế hoạch đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025
2	Rà soát, sửa đổi, cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác; chính sách phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp gắn với quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022
3	Rà soát, sửa đổi, cơ chế, chính sách hỗ trợ, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông nghiệp, lao động ở nông thôn giai đoạn 2021 - 2025	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025
<b>V THUY LỢI VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI</b>				
1	Dự án Rà soát, bổ sung quy hoạch phòng, chống lũ chi tiết tuyến sông Hồng, sông Luộc trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2030, định hướng đến năm 2050	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2030
2	Kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025
3	Đề án nâng cao hiệu quả hệ thống công trình thủy lợi và cấp nước sạch tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025
4	Xây dựng quy định quy mô thủy lợi nội đồng và vị trí điểm giao nhân sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021
<b>VI PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP</b>				
1	Rà soát, bổ sung cơ chế chính sách về phát triển nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ, tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025
2	Xây dựng nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh trong lĩnh vực sản	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và PTNT; các đơn vị	2021-2025

	Xuất, chế biến, bảo quản nông sản và cơ giới hóa nông nghiệp					
3	Tiếp tục triển khai Quyết định 1221/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản chí tuệ tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Đề án/Kế hoạch		
<b>VII NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN THỰC PHẨM</b>						
1	Hoàn thiện hệ thống tổ chức bộ máy của Ngành nông nghiệp và PTNT trên địa bàn tỉnh đảm bảo thông suốt, hiệu lực, hiệu quả	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố			2021-2025
2	Đề án chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố			2021-2025
3	Kế hoạch thanh tra, kiểm tra chất lượng vật tư nông nghiệp, đảm bảo người dân được sử dụng vật tư nông nghiệp đúng chất lượng	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố			2021-2025
4	Kế hoạch thanh tra, kiểm tra thực thi pháp luật về an toàn thực phẩm	Sở Y tế	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố			2021-2025
<b>VIII XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI</b>						
1	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố			2021-2025
2	Đề án đầu tư xây dựng hệ thống đất đai tạo nguồn vốn xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố			2021-2025
3	Tổ chức thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 về ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã NTM và Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 quy định về xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố			2021-2025